TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **THÀNH PHỐ H** ---------- Số: **12**/2023/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *, ngày 13 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 473, Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 217/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố H;

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Chức vụ Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý (*Theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020 của Chủ tịch HĐQT- Ngân hàng TMCPV);*

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Cao Duy T - Trưởng bộ phận xử lý nợ. Ông Nguyễn Đăng L, ông Nguyễn Thanh L - Chuyên viên xử lý nợ.(*Theo Văn bản ủy quyền số 132/2022/UQ-VPB ngày 20/01/2022);*

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1963
Bà Dương Thị H - sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ, thành phố H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1, Anh Nguyễn Ngọc T - sinh năm 1994 (con trai ông L bà H)
2, Chị Nguyễn Ngọc H - sinh năm 2001 (con gái ông L bà H)
Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ, thành phố H.

Anh T là đại diện theo ủy quyền của ông L, bà H, chị H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền vay nợ : Bị đơn nhất trí số nợ và nhất trí thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 03/01/2023 là: Nợ gốc 919.699.531đồng; nợ lãi : 550.709.386 đồng; Tổng 1.470.408.917đồng;

Về phương thức trả nợ: Bị đơn nhất trí thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc lãi chưa trả tạm tính đến ngày 03/01/2023 là: Nợ gốc 919.699.531đồng; nợ lãi : 550.709.386 đồng; Tổng 1.470.408.917đồng cùng số lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất của các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thẻ tín dụng tính từ ngày 04/01/2023 đến khi bị đơn thực tế thanh toán hết nợ cho nguyên đơn trong thời gian từ tháng 01/2023 đến 30/4/2023 theo lộ trình sau:

- Ngày 25/2/2023 trả 20.000.000đồng, ưu tiên trừ vào nợ gốc
- Ngày 25/3/2023 trả 20.000.000đồng, ưu tiên trừ vào nợ gốc
- Tháng 4/2023 tất toán toàn bộ số nợ gốc lãi còn lại và lãi phát sinh trên dư nợ gốc tính từ ngày 04/01/2023 theo lãi suất của các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thẻ tín dụng đã ký giữa các bên;

Về tài sản bảo đảm: Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ và vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo biên bản hòa giải tại Tòa án thì nguyên đơn có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 1 (2), tờ bản đồ số 41, diện tích 73,1m2 địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ, thành phố H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 103955; số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CH00665.2011/4884.QĐ.UBND.2011 do UBND huyện Đ cấp ngày 06/12/2011 mang tên ông Nguyễn Ngọc L Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 3282/2019 quyển số 03-2019 TP/HĐGD ngày 22/08/2019;

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có

nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho nguyên đơn;

- *Về án phí*: Tổng số tiền án phí là: 56.114.000đồng *(Năm mươi sáu triệu một trăm mười bốn nghìn đồng)*. Do các bên thỏa thuận được nên chỉ phải chịu ½ = 28.057.000 đồng *(Hai mươi tám triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.600.000đ *(Hai mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047249 ngày 16/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ;
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Lương Vân